

BÁO CÁO

**Công tác ứng phó mưa lớn, lũ từ ngày 08/11 đến ngày 18/11/2021,
trên địa bàn tỉnh Bình Định.**

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT

1. Đất liền: Bình Định có mưa to đến rất to toàn tỉnh từ ngày 08/11 đến ngày 18/11/2021 bình quân 652mm, lớn nhất 1.083mm tại Cát Hưng. Một số trạm có mưa lớn như: Mỹ Trinh 960mm, Mỹ Thọ 952mm, Cát Thành 899mm, Ân Tường Đông 856mm, An Nghĩa 854mm, An Trung 850mm, Nghĩa Điền (huyện Hoài Ân) 821mm, Hoài Sơn 804mm, Canh Hiền 789mm, Ân Tường Tây 781mm, Canh Liên 769mm, P. Bùi Thị Xuân 625mm, Tây An 587mm.

2. Mực nước sông dao động tăng và xuất hiện một số đợt lũ trên các lưu vực sông: Sông Kôn – Hà Thanh. Đỉnh lũ sông Kôn tại Vĩnh Sơn 72,24 m (lúc 01 giờ ngày 9/11), dưới báo động 2 là 0,26 m; tại Bình Nghi 16,11 m (lúc 23 giờ ngày 14/11), dưới báo động 2 là 0,39 m; tại Thạnh Hòa 7,82 m (lúc 05 giờ ngày 15/11) trên báo động 2 là 0,82 m; sông Hà Thanh tại Diêu Trì 5,07 m (lúc 14 giờ ngày 14/11) trên báo động 2 là 0,57 m; tại Vân Canh 42,34 m (lúc 15 giờ ngày 13/11) dưới báo động 1 là 0,16 m; sông An Lão tại An Hòa 23,02 m (lúc 13 giờ ngày 16/11) trên báo động 2 là 0,2 m; sông Lại Giang tại Bồng Sơn 5,60 m (lúc 19 giờ ngày 16/11) dưới báo động 1 là 0,4 m.

Đến 14 giờ ngày 18/11/2021 mưa đã giảm, mực nước các sông đang xuống dưới báo động 1. Riêng hạ lưu sông Kôn tại Thạnh Hòa lúc 14 giờ ngày 18/11 là 6,95m trên báo động 1 là 0,95 m và đang tiếp tục giảm.

II. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ỨNG PHÓ MƯA LỚN, LŨ

- Lãnh đạo Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã trực tiếp đi kiểm tra, chỉ đạo công tác phòng, chống, ứng phó mưa lũ, sạt lở tại các địa phương trọng yếu;

- UBND tỉnh đã ban hành Công điện số 17/CĐ-PCTT ngày 09/11/2021 chỉ đạo các địa phương, đơn vị chủ động ứng phó với diễn biến mưa, lũ và thời tiết nguy hiểm trên biển trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19;

- Ban Chỉ huy PCTT - TKCN và PTDS đã ban hành Văn bản số 12/BCH-PCTT ngày 08/11/2021 triển khai ứng phó với mưa lũ.

- Chỉ đạo các địa phương, các sở, ban, ngành triển khai thực hiện các Văn bản số 512/VPTT ngày 07/11/2021 của Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo Quốc gia về PCTT về việc chủ động ứng phó với mưa lớn, ngập lụt, lũ quét, sạt lở đất; Công điện số 21/CĐ-VPTT hồi 18 giờ 30 ngày 08/11/2021 của Văn phòng Thường trực Ban Chỉ đạo Quốc gia Phòng chống thiên tai – Văn phòng Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn; Công điện số 2056/CĐ-TCTL-QLCT ngày 09/11/2021 của Tổng cục Thủy lợi về việc khẩn trương tăng cường các giải pháp đảm bảo an toàn công trình thủy lợi, phòng, chống ngập,

ứng đề phòng ảnh hưởng của mưa lớn ở khu vực Trung Bộ và Tây Nguyên; Công điện số 22/CĐ-VPTT ngày 15/11/2021 của Văn phòng Thường trực Ban Chỉ đạo Quốc gia Phòng chống thiên tai – Văn phòng Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn; Công điện số 2100/CĐ-TLTL-QLCT của Tổng cục Thủy lợi ngày 15/11/2021 về việc tiếp tục tăng cường giải pháp đảm bảo an toàn công trình thủy lợi, phòng chống ngập, ứng đề phòng ảnh hưởng của mưa lớn đến Ban Chỉ huy PCTT - TKCN và PTDS các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan để chủ động ứng phó với mưa, lũ;

- Ngày 12/11/2021, Văn phòng Thường trực về Phòng, chống thiên tai tỉnh đã phối hợp đoàn công tác Văn phòng thường trực Ban Chỉ đạo Quốc gia về Phòng chống thiên tai kiểm tra công tác ứng phó với mưa lũ ở địa phương.

- Ngày 17/11, đoàn công tác của Văn phòng Thường trực Ban Chỉ đạo Quốc gia về Phòng, chống thiên tai đã đến kiểm tra tình hình thiệt hại và công tác khắc phục thiệt hại sau mưa, lũ tại tỉnh Bình Định.

- Đài phát thanh truyền hình tỉnh và các phương tiện thông tin đại chúng đã thông tin liên tục kịp thời về diễn biến mưa lớn, lũ, thông tin chỉ đạo của Ban Chỉ huy PCTT - TKCN và PTDS các cấp để các tổ chức và người dân trong tỉnh biết, chủ động ứng phó.

III. TÌNH HÌNH NGẬP ÚNG

- Lượng mưa tập trung từ ngày 10/11 đến ngày 14/11 là rất lớn và phổ biến trên toàn tỉnh, với cường suất mưa rất cao, tâm mưa ở vùng Phù Cát, Phù Mỹ, Hoài Ân, Hoài Nhơn, An Lão.

- Huyện Phù Cát: Tuyến đường ĐT.640 qua đoạn xã Cát Chánh; tuyến ĐT.639 đoạn qua xã Cát Thành bị ngập đoạn phía nam cầu Bằng Nhượng giao thông bị chia cắt, xã đã cấm bằng và phân công người trực không cho phương tiện và người qua lại; xã Cát Hiệp đoạn tràn qua suối nước nóng ngập sâu, xã đã rào chắn không cho người và phương tiện qua lại; xã Cát Tài một số khu vực trũng tại địa bàn xã bị ngập lụt sâu. Có 680 ngôi nhà bị ngập nước ở xã Cát Chánh.

- Huyện An Lão, Hoài Ân ngập sâu trên tuyến ĐT.629 đoạn qua xã An Hòa và xã Ân Hảo Đông.

- Huyện Tuy Phước: Nước lũ đã làm ngập sâu các tuyến đường tràn của đường ĐT640, ĐT636 từ 0,4 - 0,8m. Có 18 hộ bị ngập nước.

- Thị xã An Nhơn: 733.200 cây mai ở Nhơn Phong, Nhơn Hạnh và phường Nhơn Thành bị ngập. Trong đó: mai 4-5 tuổi 164.500 cây; mai từ 3-4 năm 121.700 cây; mai từ 1-2 năm 447.000 cây. Di dời hơn 550.000 cây mai đủ tuổi để bán tết năm 2022 lên vùng đất cao.

- Huyện Phù Mỹ: Sông Cạn không đủ sức tải, nước tràn qua tường đê, xói lở mái đê, mặt đê làm ngập nhiều nhà dân.

IV. TÌNH HÌNH SẠT LỞ ĐẤT

Tình trạng sạt lở núi bắt đầu xuất hiện ở Bình Định: Quy Nhơn có 4 điểm (đầu đường Nguyễn Tất Thành, khu chung cư Hưng Thịnh, Quốc lộ ID, chân núi Bà Hỏa); Phù Cát có 2 điểm (Núi Cẩm, xã Cát Thành; Núi Gành, xã Cát Minh);

Thị xã Hoài Nhơn có 1 điểm tại đèo Lộ Diêu; huyện Phù Mỹ có 1 điểm tại xã Mỹ Thọ; một số điểm sạt lở nhỏ trên tuyến đường ven biển (ĐT.639); huyện An Lão có 1 điểm sạt lở lớn tại xã An Vinh và vài điểm sạt lở nhỏ tại các tuyến đường trục thôn xã An Tân; huyện Vân Canh có 1 điểm sạt lở trên tuyến đường đi xã Canh Liên. Sông Kim Sơn bị sạt lở nghiêm trọng tại khu vực thôn Ân Thạnh 1 và thôn Phú Văn, xã Ân Thạnh, huyện Hoài Ân.

V. CÔNG TÁC DI DỜI DÂN

- Huyện Phù Cát: Sơ tán 36 hộ Núi Gành, xã Cát Minh và 30 hộ dân khu vực Núi Cấm, xã Cát Thành đến nơi tránh trú an toàn.

- Thành phố Quy Nhơn: Sơ tán 67 hộ ở phường Nhơn Phú và 05 hộ dân phường Bùi Thị Xuân tránh ngập lụt; sơ tán 4 hộ dân phường Đống Đa tránh sạt lở đất.

- Huyện Phù Mỹ: có 2.313 nhà bị ngập nước; di dời 155 hộ bị ngập lụt đến nơi an toàn.

VI. TÌNH HÌNH KHÁC

- Ngày 16/11/2021, gần 61 nghìn học sinh của tỉnh không đến trường do mưa, lũ lụt, chủ yếu ở các xã phía Đông huyện Tuy Phước, Phù Cát, Phù Mỹ; cụ thể:

+ Khối Trung học phổ thông (THPT) có 07 trường THPT Nguyễn Diêu, THPT số 2 Tuy Phước, THPT số 3 Tuy Phước, THPT Ngô Lê Tân, THPT số 2 Phù Cát, THPT số 3 Phù Cát và THPT Mỹ Thọ, THPT An Lương thuộc huyện Phù Mỹ.

+ Khối Tiểu học, Trung học cơ sở (THCS) và Mầm non vùng ngập đều không đến trường.

- Đến sáng ngày 18/11/2021, còn hơn 4.000 học sinh của tỉnh không đến trường do còn bị ngập nước.

VI. TÌNH HÌNH THIẾT HẠI DO MƯA LỚN TRÊN TOÀN TỈNH

1. Đánh giá chung

- Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT-TKCN và PTDS tỉnh chỉ đạo kịp thời, kiên quyết; các phương án ứng phó thiên tai được cập nhật và phê duyệt làm cơ sở triển khai thực hiện.

- Ban Chỉ huy PCTT-TKCN và PTDS các huyện, thị xã, thành phố tiếp nhận và xử lý thông tin về mưa lớn, lũ lụt kịp thời; chỉ đạo sát sao đến các xã, phường, thị trấn về công tác ứng phó và khắc phục thiên tai.

- Các tình huống mưa lớn, lũ lụt vẫn nằm trong khả năng kiểm soát; tình huống sạt lở đất có cảnh báo sớm nhưng các điểm sạt trượt xảy ra lại nằm ngoài vùng dự kiến.

2. Thiệt hại

- Về người: 01 người chết (Phù Mỹ).

- Về nhà ở: 7 nhà bị hư hỏng, 4.211 nhà ngập nước.

- Về giáo dục: 39 điểm trường bị ảnh hưởng.

- Về nông nghiệp: 2.445 ha lúa, 545 ha hoa màu, 19,5 ha cây trồng lâu năm 18 ha hoa mai, 25 ha cây dâu tằm, 5,6 ha rừng bị ngập úng; 4,5 tấn lúa bị úớt; 72,2 ha ruộng bị sa bồi, thủy phá.

- Về chăn nuôi: 185 con gia súc; 12.128 con gia cầm bị chết.

- Về thủy lợi: 2.000 m đê bị sạt lở, hư hỏng; 223 m kè, 8.621 m kênh mương, 26 cống, 7.920 m bờ sông, bờ suối bị sạt lở, hư hỏng.

- Về giao thông: 9.065 m đường giao thông nông thôn bị sạt lở, hư hỏng, 17.628 m³ đất đá, 8 cầu bị hư hỏng, 18 cống bị hư hỏng.

Tổng thiệt hại sơ bộ 126,40 tỷ đồng.

VII. TÌNH HÌNH HỒ CHỨA

- Hệ thống liên hồ chứa sông Kôn-Hà Thanh vận hành theo quy trình có hiệu quả và giảm ngập cho hạ du đáng kể. Hiện nay, hồ Định Bình, hồ Núi Một, hồ Văn Phong, hồ Thuận Ninh vẫn đang tiếp tục điều tiết hạ mực nước để chuẩn bị đón đợt mưa lũ sắp đến (khoảng ngày 23/11) theo quy trình vận hành liên hồ chứa.

- Tổng dung tích 163 hồ chứa đến nay 431/592 triệu m³ đạt khoảng 73%. Hầu hết các hồ chứa đã qua tràn. Các hồ có cửa van đang điều tiết nước qua tràn. Sau ngày 27/11 (23/10 âm lịch) sẽ đóng tràn trữ nước phục vụ sản xuất.

VIII. CÔNG TÁC KHẮC PHỤC THIẾT HẠI BAN ĐẦU

1. Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định chỉ đạo tổ chức khắc phục ngay các điểm sạt lở, ách tắc giao thông, hạ tầng phục vụ sản xuất, ổn định đời sống cho Nhân dân.

2. Sở Nông nghiệp và PTNT tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo Công ty Khai thác CTTL, UBND các huyện, thị xã, thành phố khắc phục tạm sạt lở kênh mương, đê kè; kiểm tra tình trạng an toàn các hồ chứa nước; kiểm tra giống lúa, cây trồng chuẩn bị cho sản xuất.

3. Sở Lao động – Thương binh và Xã hội phối hợp các địa phương kiểm tra các gia đình có nhà sập, hư hỏng để hỗ trợ theo chính sách.

4. Lực lượng vũ trang tỉnh tiếp tục duy trì trên địa bàn giúp dân sửa chữa nhà cửa, khắc phục giao thông.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND các huyện tổ chức vệ sinh, sửa chữa trường, lớp bị ngập nước.

6. Sở Giao thông vận tải triển khai khôi phục các tuyến tỉnh lộ xói lở, đảm bảo giao thông; hướng dẫn các địa phương khắc phục đường giao thông nông thôn.

IX. ĐỀ XUẤT HỖ TRỢ KHẮC PHỤC THIẾT HẠI DO MƯA LŨ GÂY RA

Kính đề nghị Ban Chỉ đạo Quốc gia về Phòng, chống thiên tai trình Thủ tướng Chính phủ quan tâm, hỗ trợ cho tỉnh Bình Định 100 tỷ đồng và hỗ trợ 1.000 tấn gạo để ổn định dân sinh và khắc phục hậu quả do mưa lớn, lũ lụt, sạt lở đất.

Kính đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT quan tâm hỗ trợ hóa chất phòng ngừa dịch bệnh phát sinh do ảnh hưởng môi trường sau lũ 20 tấn thuốc sát trùng

Becocide phục vụ khử mùi của động vật, thực vật phân hủy.

Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Chỉ đạo QG về PCTT;
- Bộ NN và PTNT (b/c);
- UBQG ÚPSCTT và TKCN (b/c);
- Tổng cục PCTT (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: NN và PTNT, GTVT, LĐTĐ, TC, KHĐT;
- VPTT Phòng chống thiên tai tỉnh;
- CVP, PVP NN;
- Lưu: VT, K10, K19.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

PHỤ LỤC

(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày /11/2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định).

BIỂU 01/TKTH

Ban hành kèm theo TTTL số: 43/2015TTTL-
BNNPTNT-BKHĐT

**Đơn vị báo cáo: Ban Chỉ huy PCTT
– TKCN và PTDS tỉnh Bình Định**

**Đơn vị nhận báo cáo: Ban Chỉ đạo
Quốc gia về PCTT**

TỔNG HỢP THIẾT HẠI

Thời gian: Từ ngày 08/11 đến 18/11/2021

Địa điểm nơi xảy ra: tỉnh Bình Định

Loại hình thiên tai: Mưa lớn, lũ

TT	Mã	CHỈ TIÊU THIẾT HẠI	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (triệu đồng)	Thành tiền (triệu đồng)
1	NG	THIỆT HẠI VỀ NGƯỜI		1,0		
1.1	NG01	Số người chết	người	1,0		
1.2	NG02	Số người mất tích	người	0,0		
1.3	NG05	Số người bị thương	người	0,0		
2	NH	THIỆT HẠI VỀ NHÀ Ở	triệu đồng			8.712,0
2.1	NH01	Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)	cái	0,0	100,0	0,0
2.2	NH02	Thiệt hại rất nặng (từ 30% - 70%)	cái	3,0	70,0	210,0
		Thiệt hại dưới 30%		4,0	20,0	80,0
2.3	NH05	Nhà bị ngập nước (từ 0,5 - 1m)	lượt	4.211,0	2,0	8.422,0
3	GD	THIỆT HẠI VỀ GIÁO DỤC	triệu đồng			390,0
3.1	GD01	Số điểm/trường bị ảnh hưởng	điểm	39,0	10,0	390,0
4	YT	THIỆT HẠI VỀ Y TẾ	triệu đồng			0,0
4.1	YT01	Số cơ sở y tế (bệnh viện, trung tâm y tế, trạm y tế)	cái			0,0
4.1.2	YT012	Thiệt hại rất nặng từ 50% - 70%	cái	0,0	100,0	0,0
5	VH	THIỆT HẠI VỀ VĂN HÓA	triệu đồng			0,0
5.1	VH02	Di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh	cái		100,0	0,0
6	NLN	THIỆT HẠI VỀ NÔNG, LÂM, ĐIỂM NGHIỆP	triệu đồng			5.207

TT	Mã	CHỈ TIÊU THIẾT HẠI	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (triệu đồng)	Thành tiền (triệu đồng)
6.1	NLN01	Diện tích lúa	ha	2.445,4		3.717,9
6.1.1	NLN011	Diện tích gieo cấy lúa thuần	ha	1.222,7		1.859,0
6.1.1.1	NLN0111	Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)	ha	16,6	3,0	49,8
6.1.1.2	NLN0112	Thiệt hại rất nặng từ 30% - 70%	ha	1.206,1	1,5	1.809,2
	NLN03	Diện tích hoa màu, rau màu	ha	545,5		534,1
6.3.1	NN031	Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)	ha	10,0	2,0	20,0
6.3.2	NN032	Thiệt hại rất nặng từ 50% - 70%	ha	464,0	1,0	464,0
6.3.3	NN033	Thiệt hại nặng từ 30% - 50%	ha	71,5	0,7	50,1
6,5	NLN05	Diện tích cây trồng lâu năm	ha	19,5		39,0
6.5.1	NLN051	Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)	ha	0,0		0,0
6.5.2	NLN052	Thiệt hại rất nặng từ (30% - 70%)	ha	19,5	2,0	39,0
6.6	NLN06	Diện tích cây trồng hàng năm	ha			126,5
6.6.1	NLN061	Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)	ha	25,3	5,0	126,5
6.7	NLN07	Diện tích cây ăn quả tập trung	ha			0,0
6.7.1	NLN071	Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)	ha	0,0	0,5	0,0
6.8	NLN08	Diện tích rừng hiện có	ha			789,8
6.8.1	NLN081	Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)	ha	5,6	4,0	22,4
6.9	NLN9	Cây bóng mát, cây xanh đô thị bị đổ, gãy	cây	0,0	9,0	0,0
6.11	NLN11	Hạt giống hư hỏng (lúa giống, giống cây trồng)	tấn	0,0	13,0	0,0
6.12	NLN12	Lương thực bị trôi, ẩm, ứot và hư hỏng	tấn	4,5	10,0	45,0
6.13	NLN13	Diện tích đất ở bị xói lở, vùi lấp, sa bồi	ha	72,2	10,0	722,4
6.14	NLN19	Các thiệt hại về nông, lâm, diêm nghiệp khác (*)	triệu đồng	14,5		
7	CHN	THIỆT HẠI VỀ CHĂN NUÔI	triệu đồng			1.862,8
7.1	CHN1	Gia súc bị chết, cuốn trôi	con	185,0		

TT	Mã	CHỈ TIÊU THIẾT HẠI	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (triệu đồng)	Thành tiền (triệu đồng)
7.1.1	CHN01	Trâu, bò, ngựa	con	10,0	10,0	100,0
7.1.3	CHN03	Lợn	con	175,0	3,0	525,0
7.1.4	CHN04	Các loại gia súc khác	con	0,0		0,0
7.2	CHN02	Gia cầm bị chết, cuốn trôi	con	12.128,0		
7.2.1	CHN021	Gà, vịt, ngan, ngỗng	con	12.128,0	0,1	1.212,8
7.2.2	CHN023	Các loại gia cầm khác	con	0,0		0,0
7.3	CHN04	Thức ăn gia súc, gia cầm bị cuốn trôi, vùi lấp, hư hỏng	tấn	0,0	5,0	0,0
7.4	CHN06	Chuồng trại, trang thiết bị chăn nuôi bị hư hỏng	triệu đồng	5,0	5,0	25,0
8	TL	THIỆT HẠI VỀ THỦY LỢI	triệu đồng			60.163,0
8.1	TL02	Đê từ cấp IV trở xuống, bờ bao				
	TL021	Chiều dài bị sạt, nứt, vỡ (ghi rõ chiều dài vỡ)	m	2000,0	10,0	9.400,0
8.2	TL03	Kè				
	TL031	Chiều dài sạt lở, hư hỏng	m	223,0	3,0	669,0
8.3	TL04	Kênh mương bị sạt, trôi, hư hỏng				
	TL041	Chiều dài	m	8.621,0	2,0	17.242,0
8.4	TL04	Cống				
8.4.1	TL041	Cống bị hư hỏng	cái	26,0	200,0	5.200,0
8.4.2	TL043	Cống bị trôi, sập	cái	0,0		0,0
8.5	TL05	Đập thủy lợi				
8.5.1	TL051	Đập bị sạt lở, hư hỏng	cái		500,0	0,0
8.5.2	TL052	Đập bị vỡ (ghi rõ tên đập, chiều dài vỡ)	cái	0,0		0,0
8.5.3	TL053	Đập tạm, đập bồi, hư hỏng, trôi	cái	15,0	20,0	300,0
8.8	TL08	Bờ biển, bờ sông, suối bị sạt lở	m			
8.8.1	TL081	Chiều dài sạt lở	m	7.920,0	2,0	15.840,0
8.8.2	TL084	Khối lượng đá, bê tông	m ³	912,0	1,0	912,0
8.9	TL09	Các thiệt hại về thủy lợi khác (*)	triệu đồng	116,0		0,0
9	GT	THIỆT HẠI VỀ GIAO THÔNG	triệu đồng			40.070,0

TT	Mã	CHỈ TIÊU THIẾT HẠI	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (triệu đồng)	Thành tiền (triệu đồng)
9.1	GT01	Quốc lộ				0,0
9.1.1	GT011	Chiều dài sạt lở, hư hỏng	m	0,0	5,0	0,0
9.1.2	GT012	Chiều dài bị ngập	m	0,0		0,0
9.1.3	GT017	Điểm/đường giao thông bị sạt lở, ách tắc	điểm	3,0		0,0
9.2	GT02	Đường tỉnh, đường huyện, đường xã				40.070,0
9.2.1	GT021	Chiều dài sạt lở, hư hỏng	m	9.065,0	2,0	18.130,0
9.2.3	GT023	Khối lượng đất	m ³	17.628,0	1,0	17.628,0
9.2.4	GT024	Khối lượng đá, bê tông, nhựa đường	m ³	456,0	2,0	912,0
9.2.5	GT025	Cầu bị hư hỏng	cái	8,0	200,0	1.600,0
9.2.6	GT026	Cống bị hư hỏng	cái	18,0	100,0	1.800,0
9.2.7	GT027	Điểm/đường giao thông bị sạt lở, ách tắc	điểm	24,0		0,0
9.3	GT03	Đường sắt bị sạt lở	m			0,0
9.3.8	GT038	Điểm đường sắt bị sạt lở, ách tắc	điểm	0,0	5,0	0,0
9.4	TS9	Các thiệt hại về giao thông khác (*)	triệu đồng	0,0		0,0
		Hệ thống thoát nước dọc		0,0	1,0	0,0
10	TS	THIỆT HẠI VỀ THỦY SẢN	triệu đồng			9.371,0
10.1	TS03	Diện tích nuôi tôm, cá	ha	0,0		9.341,0
10.1.1.1	TS0311	Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)	ha	31,9	50,0	1.593,0
10.1.1.2	TS0312	Thiệt hại rất nặng từ 50% - 70%	ha	387,4	20,0	7.748,0
10.2	TS06	Lồng, bè nuôi thủy, hải sản các loại	100m ³ /lồng			30,0
10.2.1	TS061	Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)	100m ³ /lồng	0,0	50,0	0,0
10.2.2	TS062	Thiệt hại rất nặng từ 50% - 70%	100m ³ /lồng	1,0	30,0	30,0
11	TT	THIỆT HẠI VỀ THÔNG TIN LIÊN LẠC	triệu đồng			0,0
	TT01	Cột Ăng ten bị đổ, gãy	cái	0,0	1.000,0	0,0
12	CN	THIỆT HẠI VỀ CÔNG NGHIỆP	triệu đồng			210,0
12.1	CN01	Cột điện bị đổ, gãy	cái	3,0		105,0

TT	Mã	CHỈ TIÊU THIẾT HẠI	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (triệu đồng)	Thành tiền (triệu đồng)
12.1.1	CN011	Trung và cao thế	cái	3,0	35,0	105,0
12.1.2	CN012	Hạ thế	cái	0,0	30,0	0,0
12.2	CN03	Trạm biến thế bị hư hỏng	cái			0,0
	CN032	Hạ thế	cái	0,0	60,0	0,0
12.3	CN17	Các thiệt hại về công nghiệp khác (*)	triệu đồng	0,0		0,0
13	XD	THIỆT HẠI VỀ XÂY DỰNG	triệu đồng			160,0
		Tường rào, công bị đổ, sập, hư hỏng,...	m	160,0	1,0	160,0
14	MT	THIỆT HẠI VỀ NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG	triệu đồng			210,0
14.1	MT04	Công trình cấp nước bị hư hỏng	công trình	7,0	30,0	210,0
14.2	MT05	Các thiệt hại về NS và VSMT khác (*)	triệu đồng	0,0		
ƯỚC TÍNH TỔNG THIẾT HẠI BẰNG TIỀN			triệu đồng			126.356,1